

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA
(Từ ngày 01 đến 10/6/ 2024)

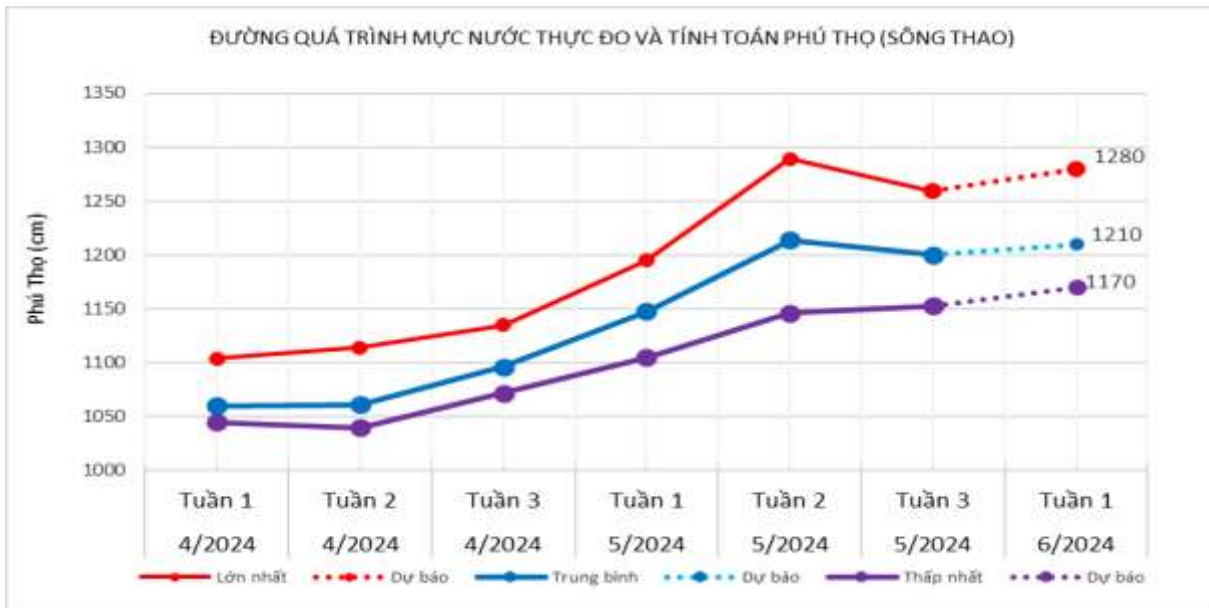
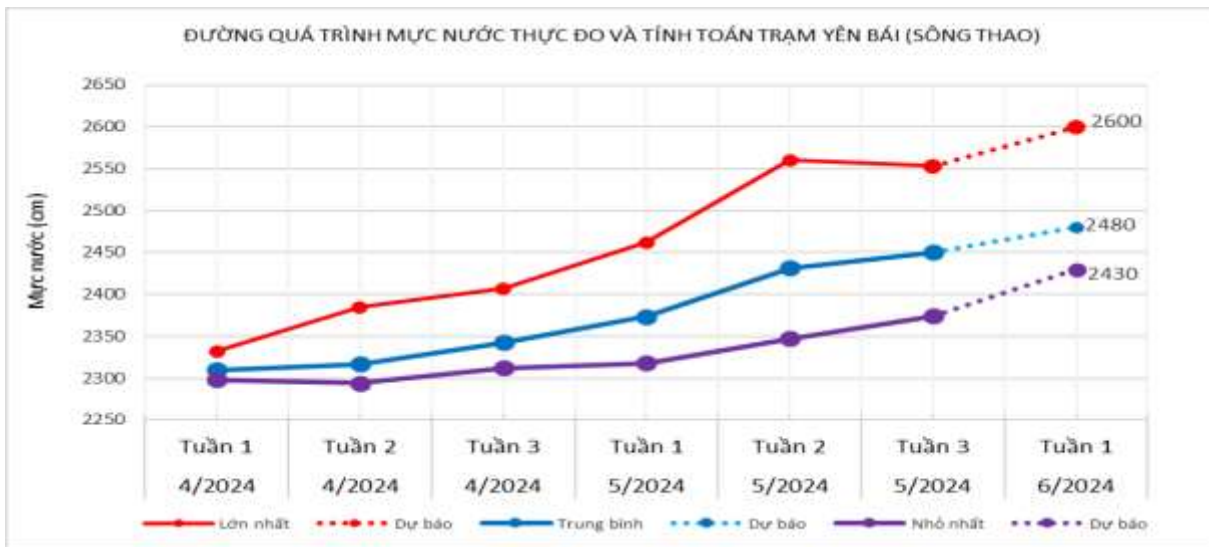
1. Khu vực miền Núi phía Bắc

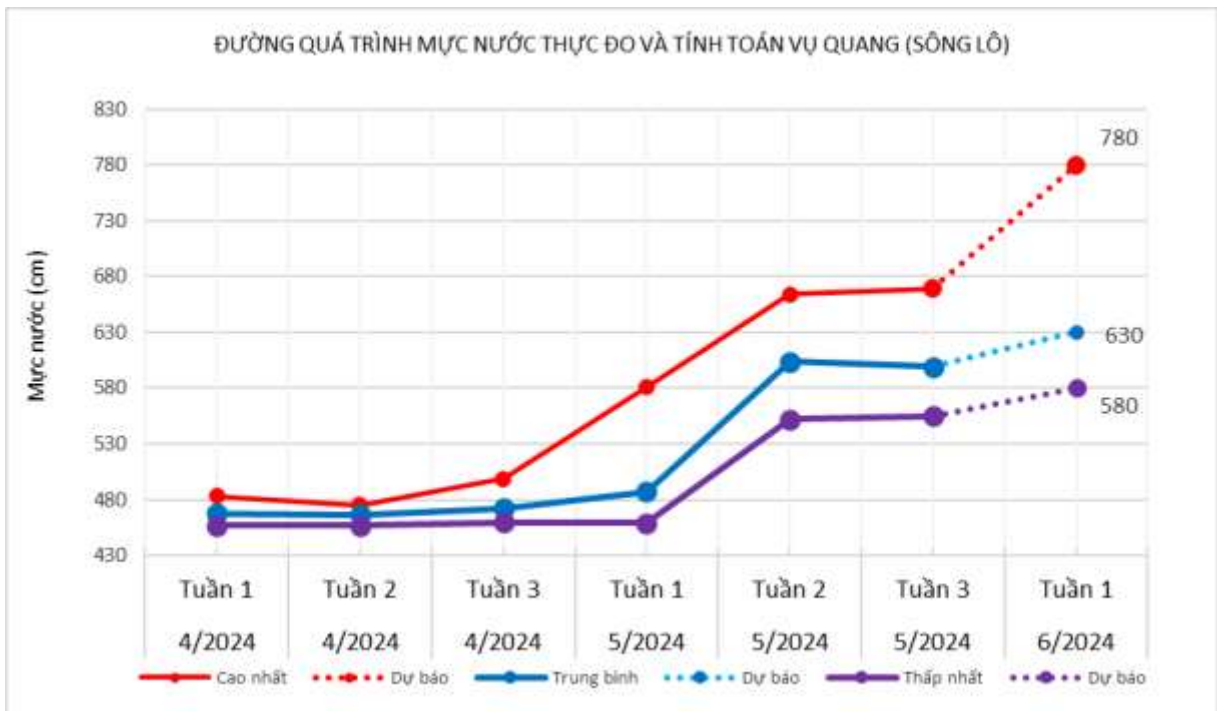
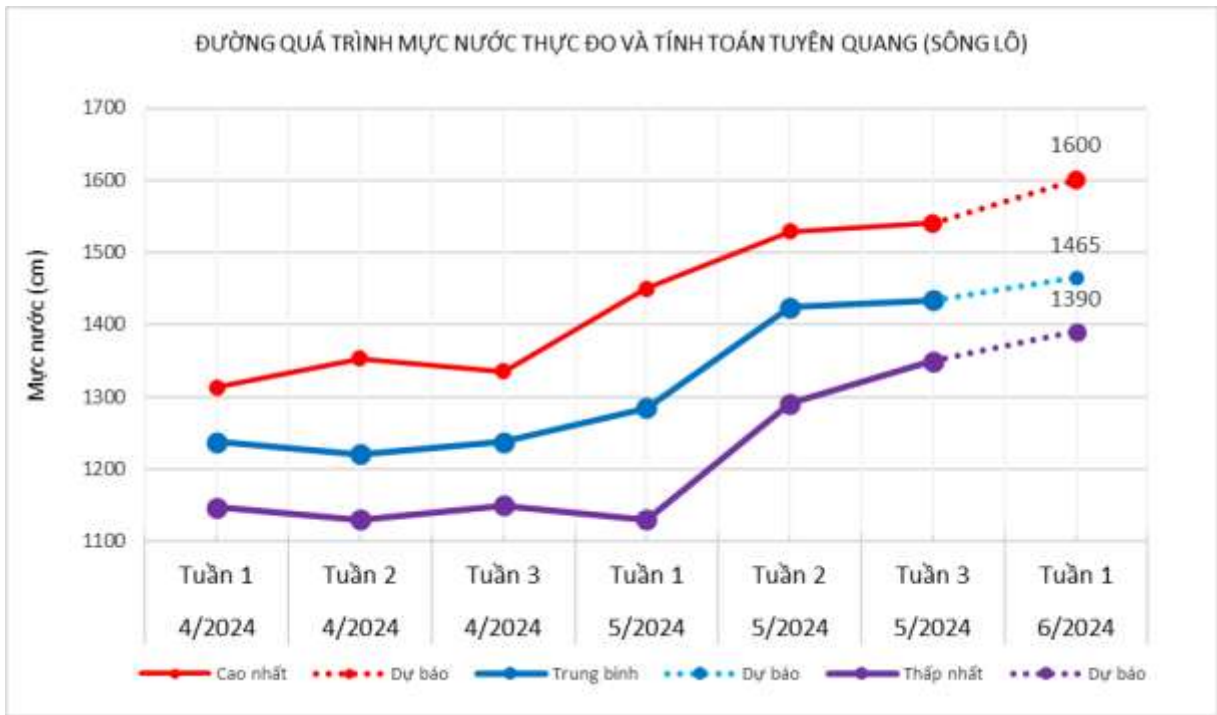
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 11 ngày qua, trên sông Thao mực nước có dao động nhỏ. Mực nước sông Lô biến đổi chậm và dao động theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên.

b. Dự báo, cảnh báo

Trong 10 ngày tới, trên sông Thao mực nước biến đổi chậm. Mực nước sông Lô tiếp tục biến đổi chậm theo điều tiết của các thủy điện tuyến trên.





2. Khu vực Đồng Bằng và Trung Du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong 11 ngày qua:

Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

Trên hệ thống sông Thái Bình, mực nước ở thượng lưu sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam biến đổi chậm; mực nước tại hạ lưu các sông phổ biến dao động theo thủy triều.

Hạ lưu sông Hồng, từ ngày 21-31/5 mực nước hạ lưu sông Hồng biến đổi chậm có xu thế tăng hơn so với giai đoạn từ 11-20/5.

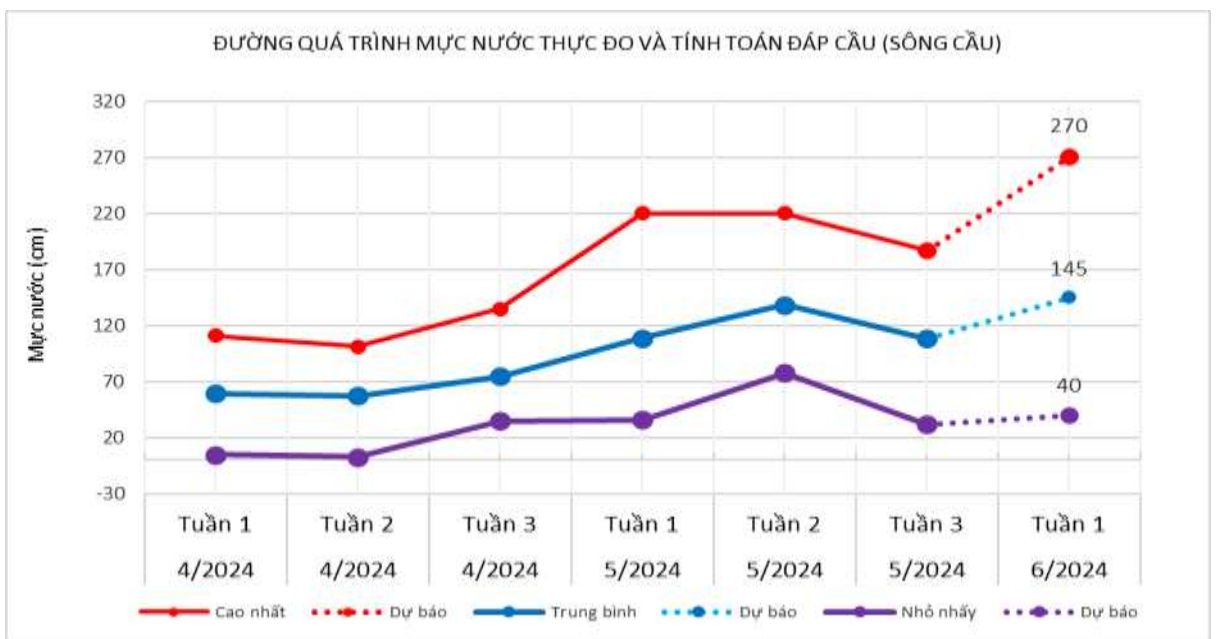
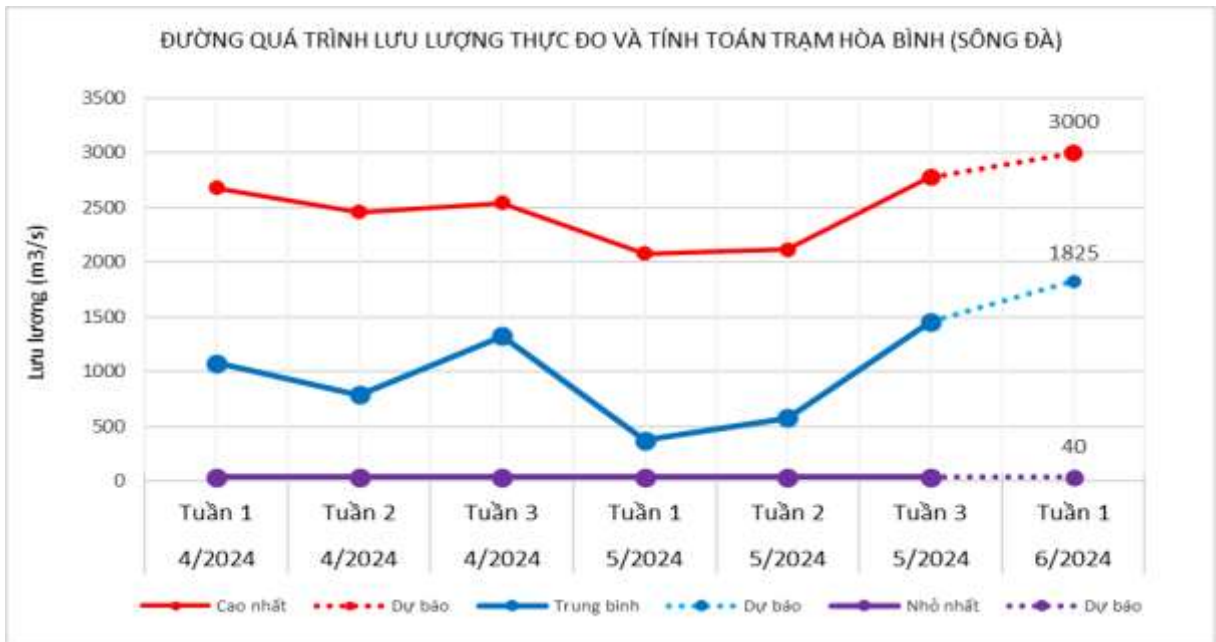
Mực nước trên sông Hoàng Long tại Bến Đê và hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

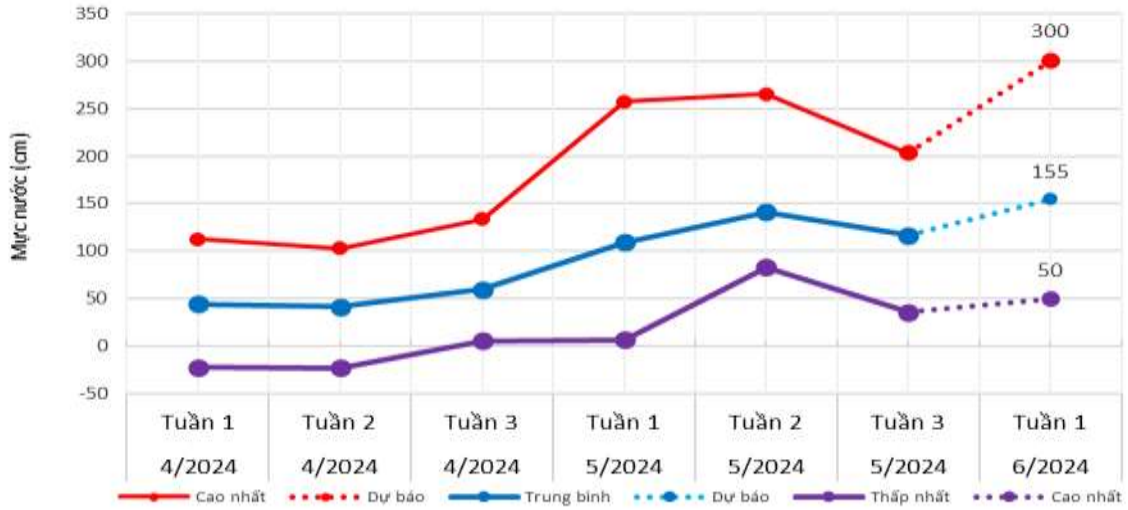
Dòng chảy đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La.

Trong 10 ngày tới, mực nước trên các sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam có khả năng xuất hiện một đợt lũ nhỏ. Mực nước khu vực hạ lưu các sông sẽ lên.

Trong 10 ngày tới: Mực nước hạ lưu hệ thống sông Hồng, trên sông Hoàng Long tại Bến Đê và hạ lưu sông Thái Bình tại Phả Lại sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng của thủy triều.



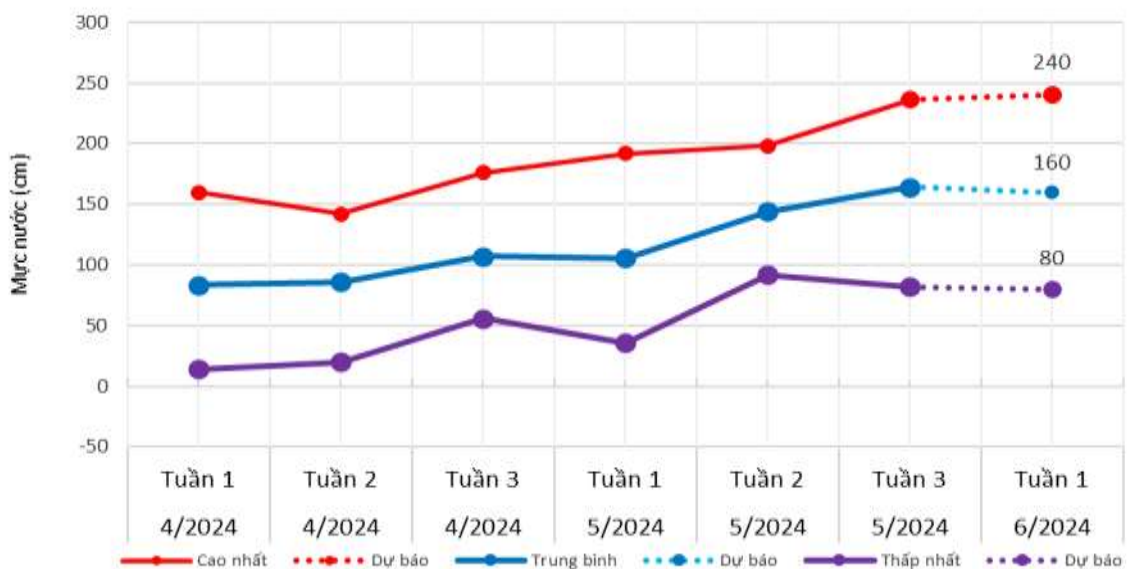
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN PHỦ LẠNG THƯƠNG (THƯƠNG)

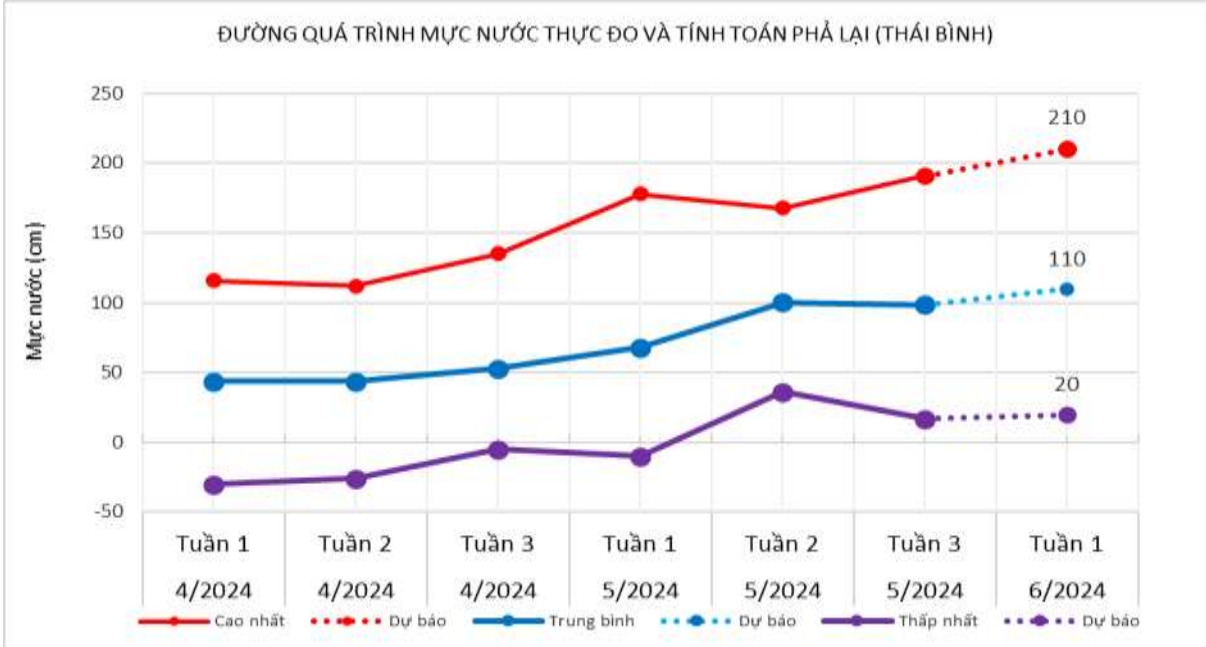
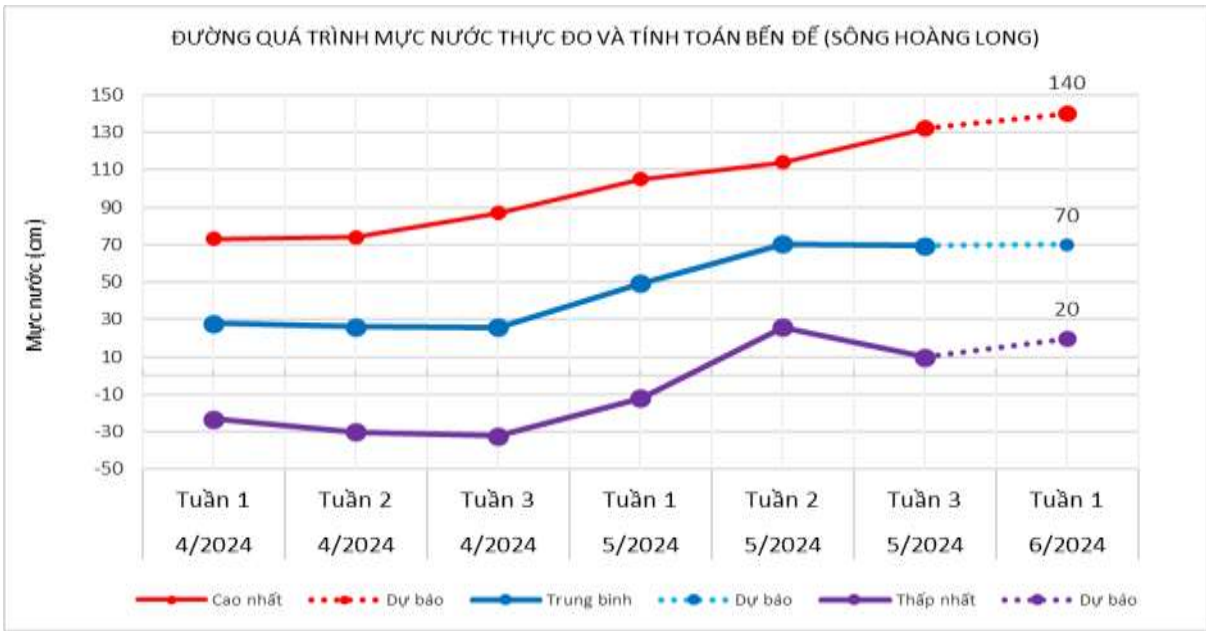


ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN LỤC NAM (LỤC NAM)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN HÀ NỘI (SÔNG HỒNG)





3. Khu vực Bắc Trung Bộ

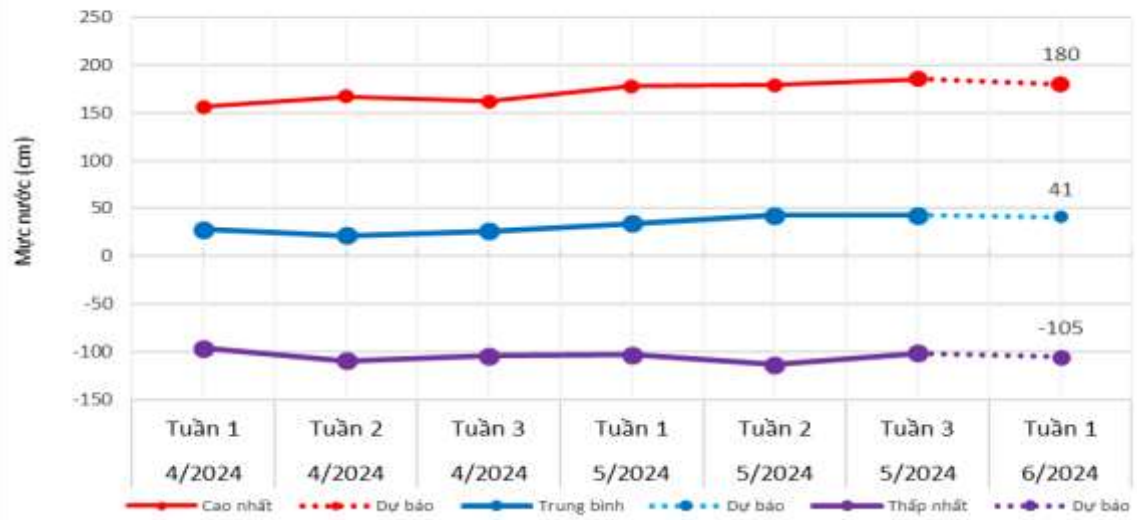
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tuần, mực nước sông Mã, sông Cả và các sông ở Hà Tĩnh có dao động, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng hơn so với tuần trước; các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm hơn so với tuần trước.

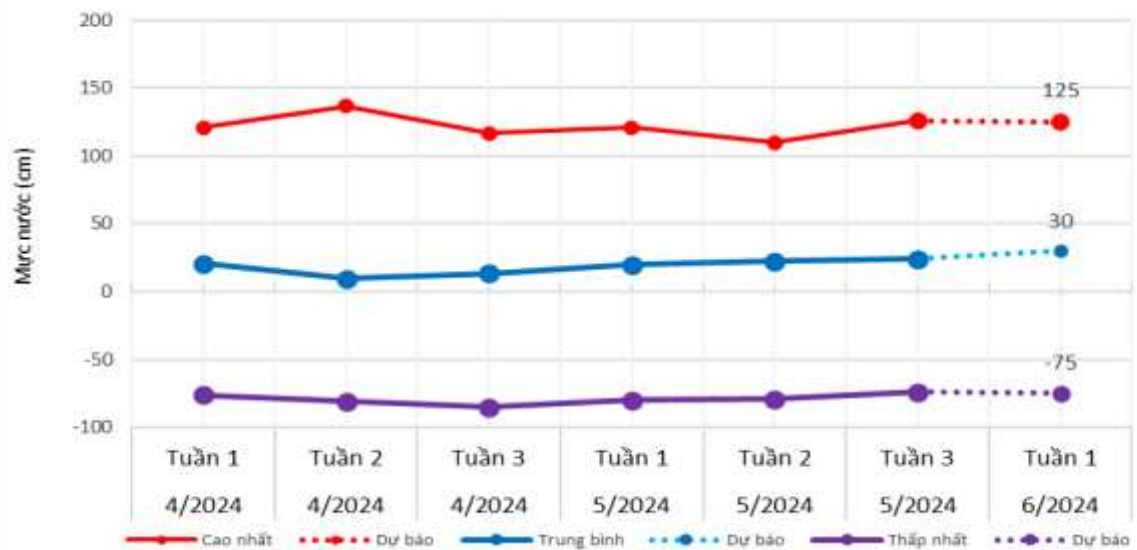
b. Dự báo, cảnh báo

Trong 10 ngày tới, thượng nguồn các sông trong khu vực có dao động, trung lưu dao động theo điều tiết hồ chứa, hạ lưu biến đổi theo triều. Lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với tuần trước.

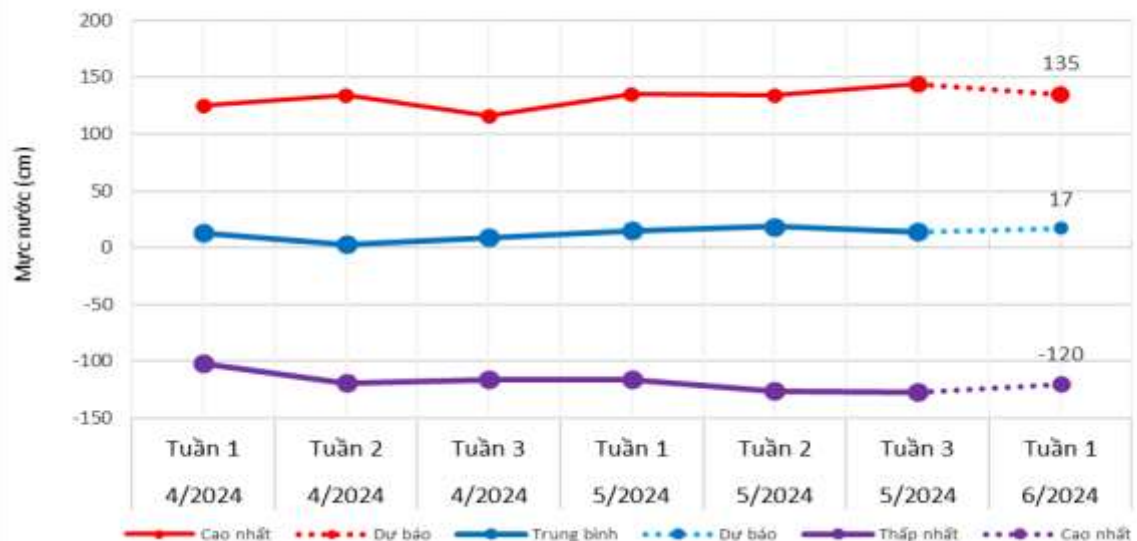
ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN TRẠM GIÀNG (SÔNG MÃ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN NAM ĐÀN (SÔNG CÁ)



ĐƯỜNG QUÁ TRÌNH MỨC NƯỚC THỰC ĐO VÀ TÍNH TOÁN LINH CẨM (SÔNG LA)



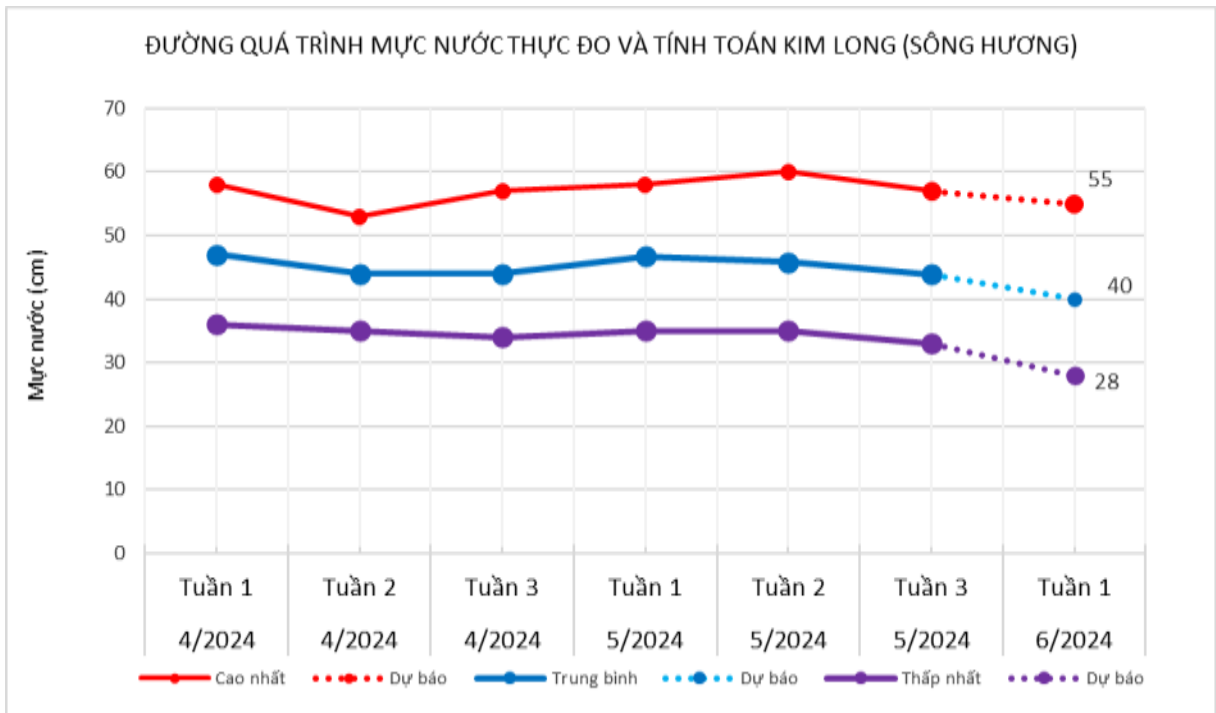
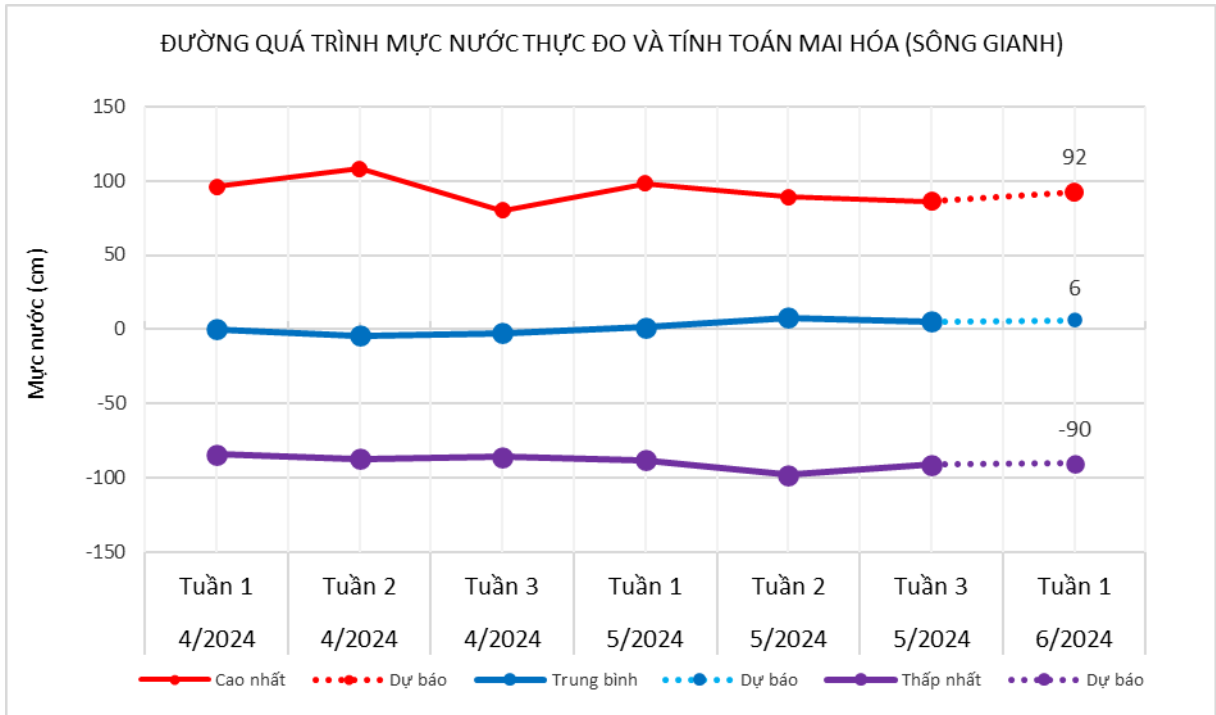
4. Khu vực Trung Trung Bộ

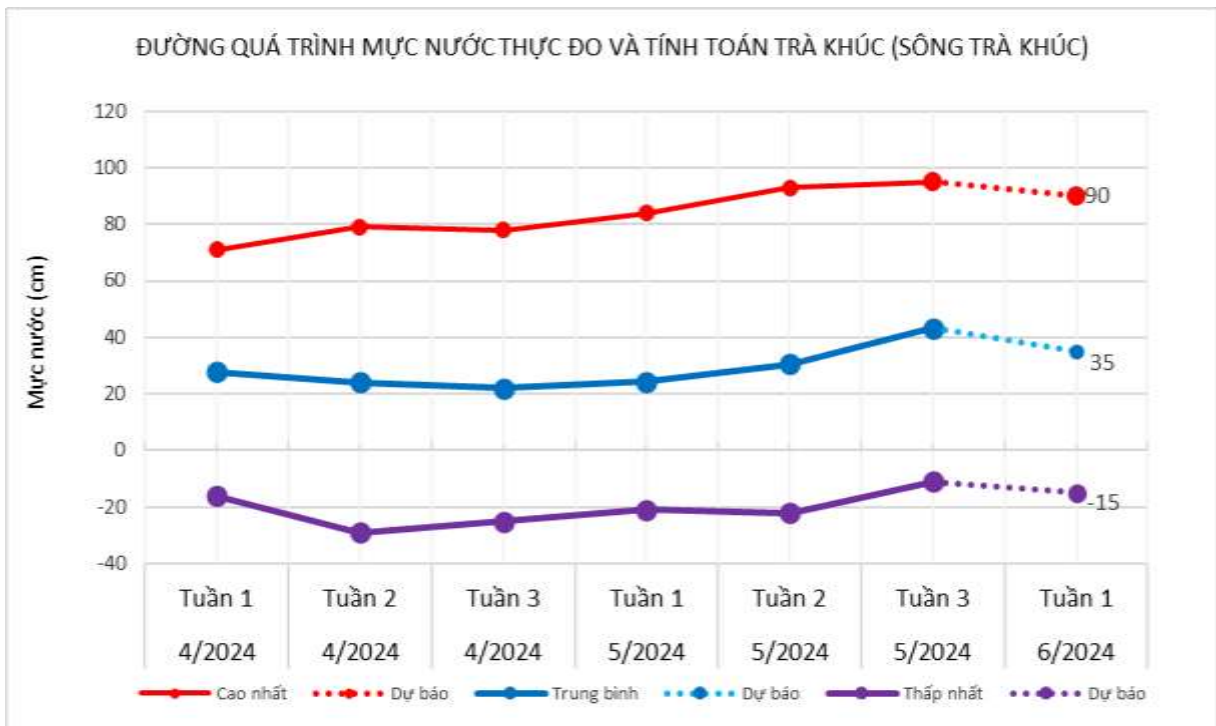
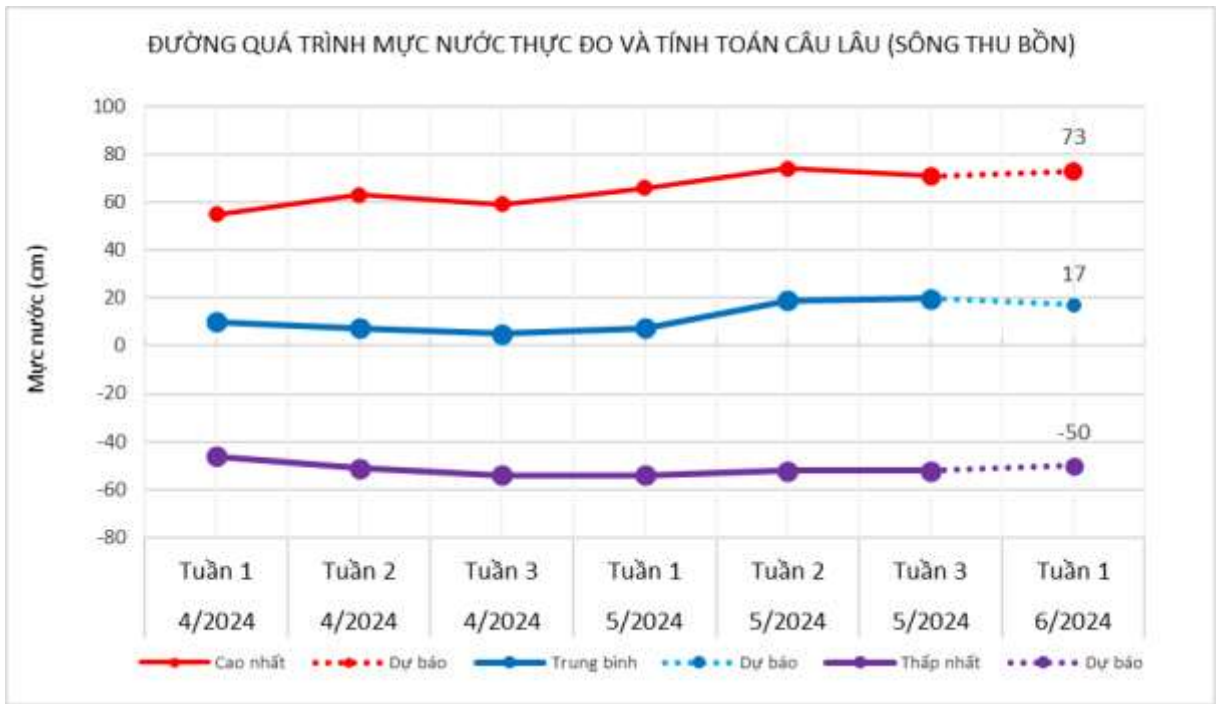
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên thượng lưu các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có dao động nhỏ, hạ lưu biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên thượng lưu các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có dao động, hạ lưu biến đổi chậm.





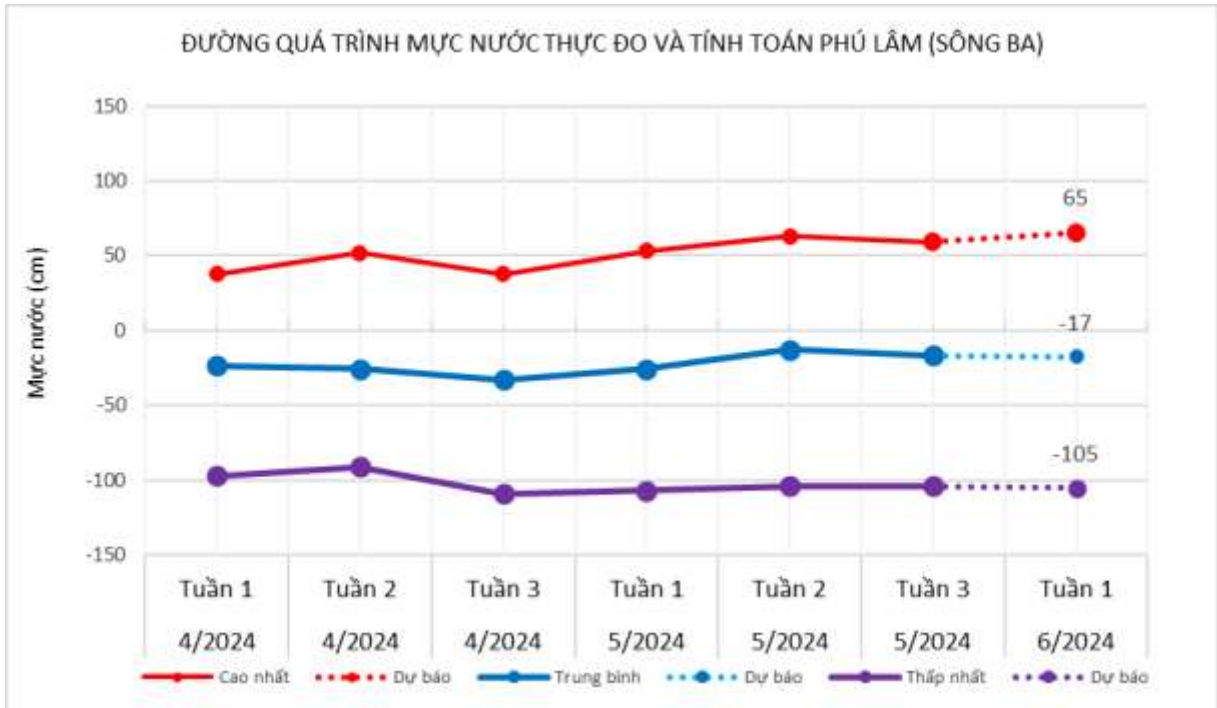
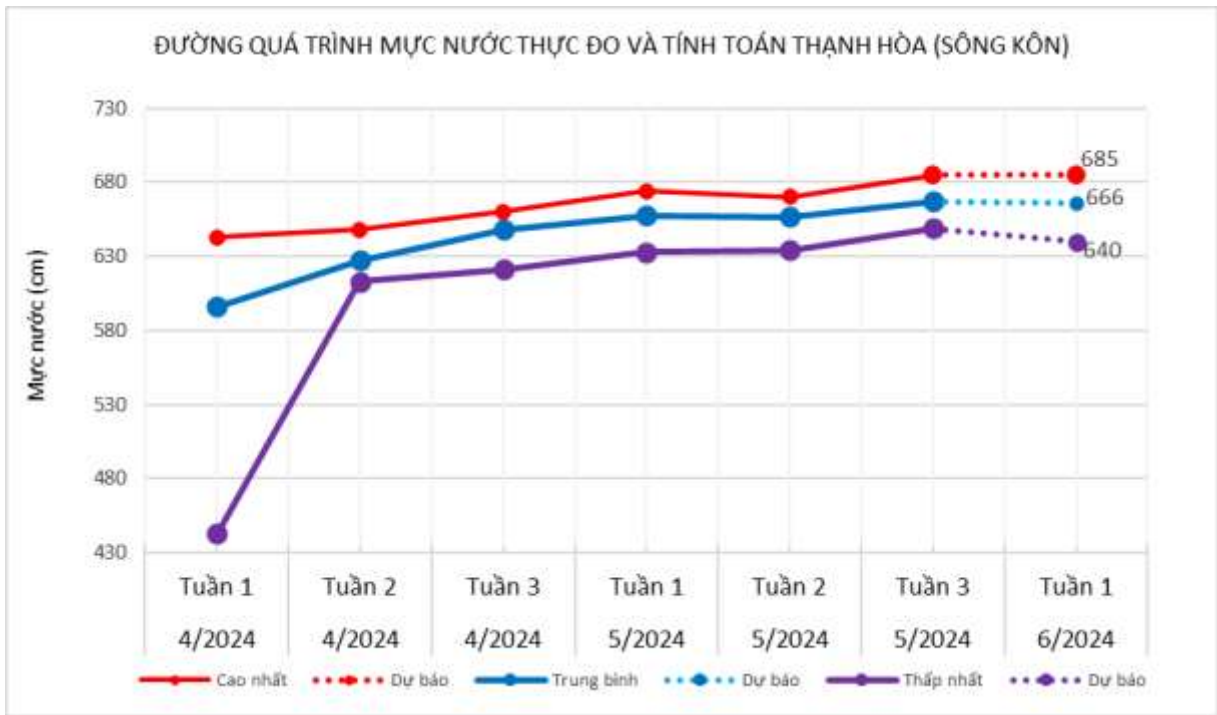
5. Khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm, riêng hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước trên các sông biến đổi chậm, riêng hạ lưu sông Ba dao động theo điều tiết của hồ chứa và thủy triều.



6. Khu vực Tây Nguyên

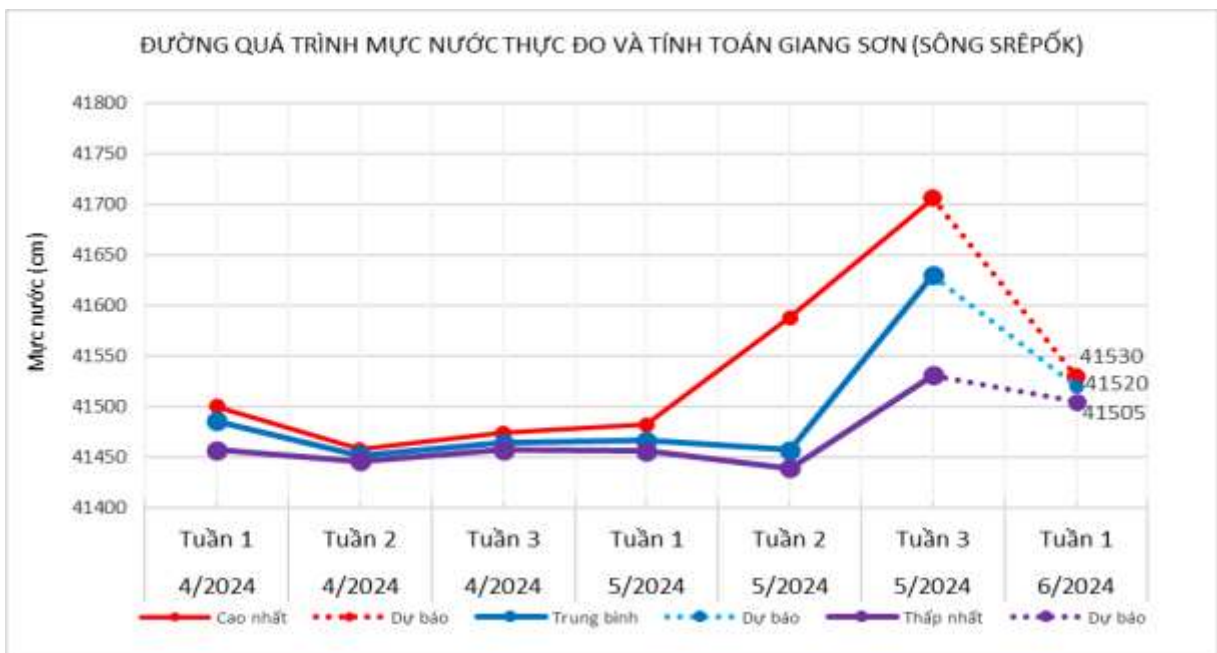
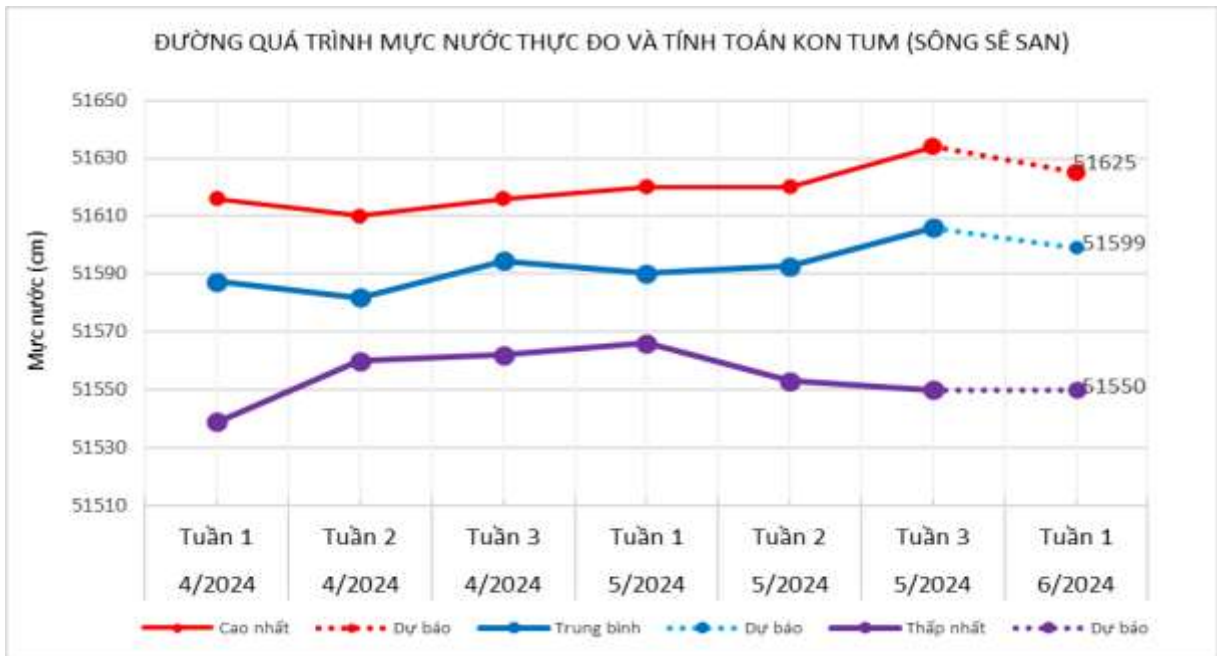
a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tuần, trên sông Đăk Nông xuất hiện lũ với đỉnh lũ tại Đăk Nông là 589,85m (13h/23/5), trên BĐ2 0,35m; trên sông Cam Ly (Lâm Đồng) xuất hiện 2 đợt lũ nhỏ với đỉnh lũ ở mức xấp xỉ BĐ2. Mức nước trên sông Krông Ana lên đến ngày 25/5 sau đó xuống dần, các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

b. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên sông Krông Ana biến đổi chậm. Mức nước trên các sông khác phổ biến dao động theo vận hành của nhà máy thủy điện và các công trình thủy lợi.

Tình trạng khô hạn, thiếu nước trên địa bàn các tỉnh thuộc khu vực Tây Nguyên được cải thiện đáng kể.



7. Khu vực Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

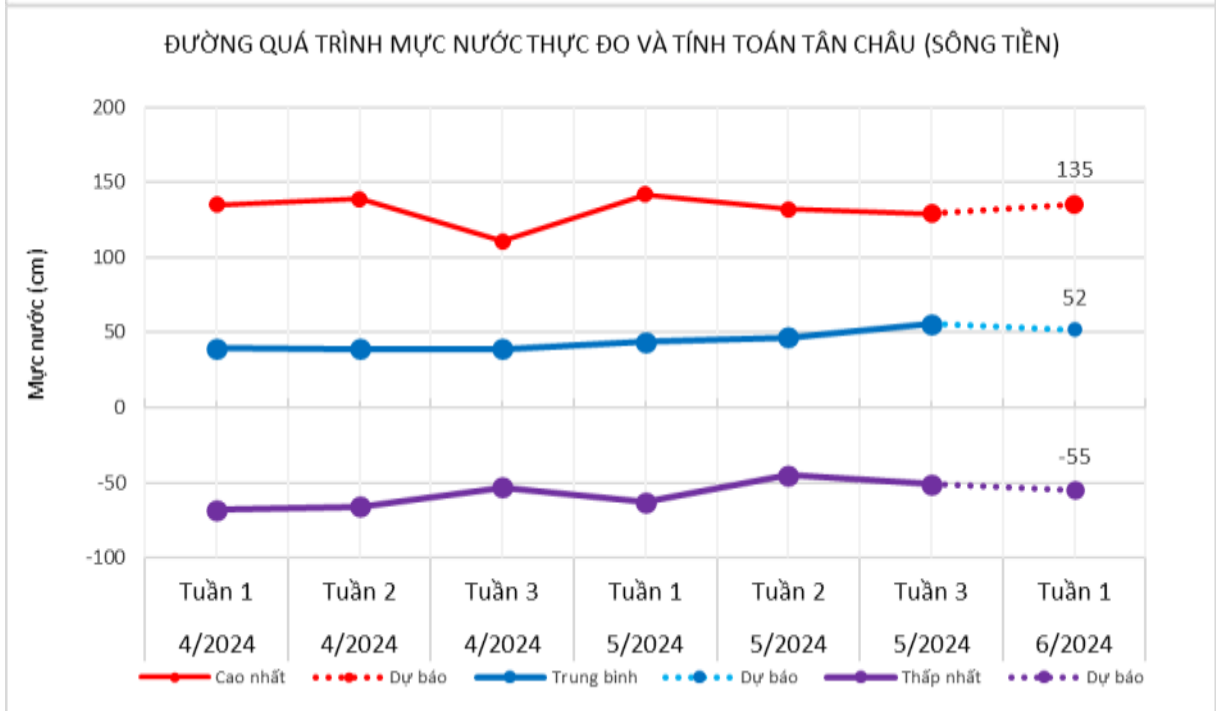
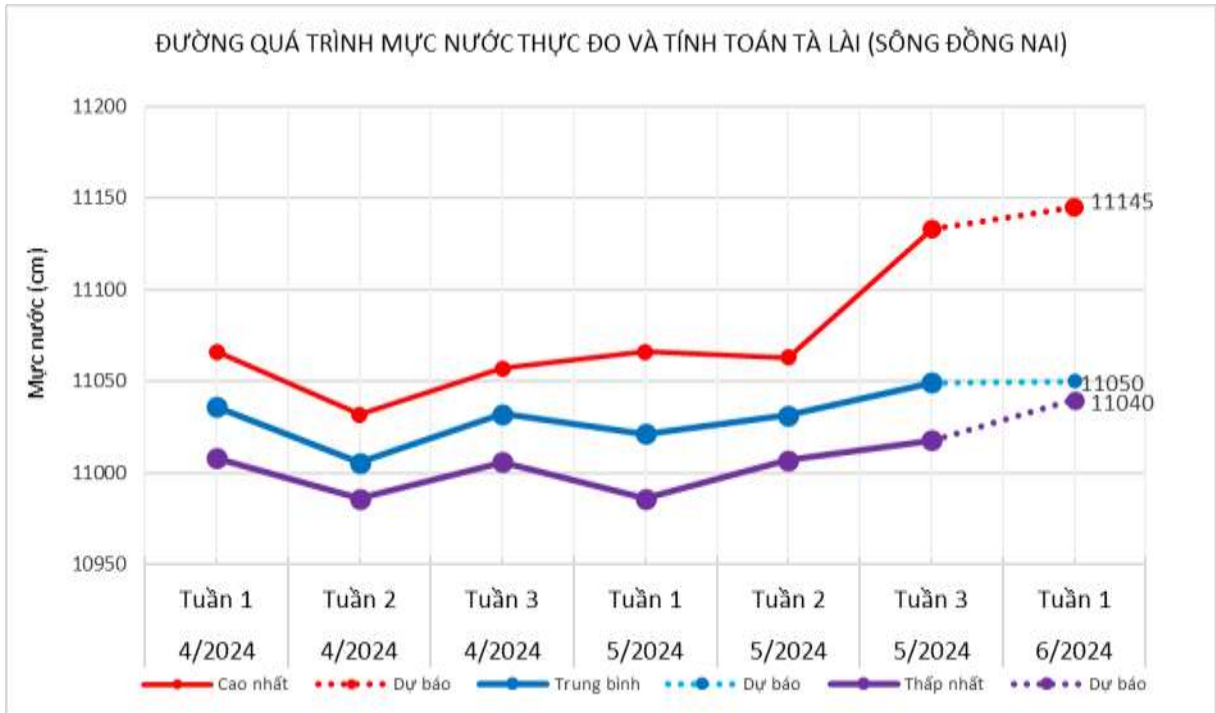
Mức nước sông Đồng Nai có dao động. Mức nước cao nhất trên sông Đồng Nai tại Tà Lài 111,33m (19h/28/5).

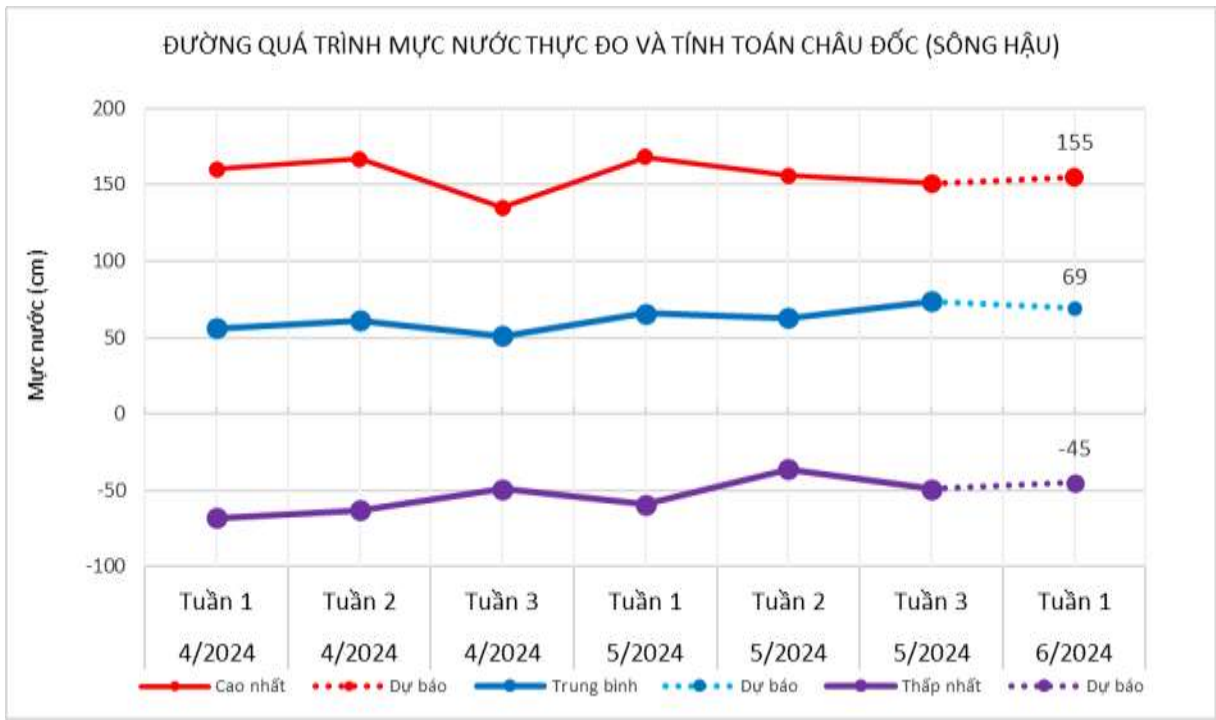
Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất trên sông Tiền tại Tân Châu 1,29m (ngày 25/5), trên sông Hậu tại Châu Đốc 1,51m (ngày 25/5).

b. Dự báo, cảnh báo

Mực nước sông Đồng Nai có dao động.

Mực nước sông Cửu Long dao động theo triều. Mực nước cao nhất tuần tại Tân Châu ở mức 1,35m, tại Châu Đốc ở mức 1,55m. Trong 05 ngày tiếp theo, mực nước sông Cửu Long biến đổi chậm theo triều.





Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 11/6/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**

Phùng Tiến Dũng

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Đà	Hòa Bình (Q)	1503	2782	40	1750	2500	550	1900	3000	40	1825	3000	40
Thao	Yên Bái	2451	2553	2374	2500	2600	2480	2460	2500	2430	2480	2600	2430
Thao	Phú Thọ	1201	1259	1153	1220	1280	1180	1200	1240	1170	1210	1280	1170
Lô	Tuyên Quang	1433	1541	1350	1450	1550	1390	1480	1650	1400	1465	1600	1390
Lô	Vụ Quang	600	669	555	610	680	580	650	780	600	630	780	580
Cầu	Đáp Cầu	111	187	32	120	200	40	170	270	70	145	270	40
Thương	Phủ Lạng Thương	122	203	36	130	220	50	180	300	80	155	300	50
Lục Nam	Lục Nam	89	188	-2	100	160	10	160	280	40	130	280	10
Hồng	Hà Nội	165	236	82	150	210	80	170	240	100	160	240	80
Hoàng Long	Bến Đé	69	132	10	60	70	20	80	140	30	70	140	20
Thái Bình	Phả Lại	99	191	17	100	150	20	120	210	45	110	210	20
Mã	Giàng	43	185	-101	42	160	-65	40	180	-105	41	180	-105
Cả	Nam Đàn	24	126	-74	32	110	-55	28	125	-75	30	125	-75

Sông	Trạm	Thực đo			Dự báo								
					5 ngày đầu			5 ngày sau			10 ngày		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
La	Linh cảm	14	144	-127	18	125	-80	16	135	-120	17	135	-120
Giang	Mai Hóa	5	86	-91	7	85	-80	5	92	-90	6	92	-90
Hương	Kim Long	44	57	33	42	55	30	38	52	28	40	55	28
Thu Bồn	Câu Lâu	20	71	-52	18	65	-42	15	73	-50	17	73	-50
Trà Khúc	Trà Khúc	44	95	-11	38	90	-10	32	86	-15	35	90	-15
Kôn	Thanh Hòa	667	685	646	665	680	640	666	685	640	666	685	640
Đà Rằng	Phú Lâm	-15	59	-103	-15	55	-65	-18	65	-105	-17	65	-105
Đăkbla	Kon Tum	51605	51634	51550	51598	51625	51550	51600	51530	51560	51599	51625	51550
Krông Ana	Giang Sơn	41636	41706	41531	41525	41530	41515	41515	41525	41505	41520	41530	41505
Đồng Nai	Tà Lài	11049	11133	11018	11045	11115	11040	11055	11145	11040	11050	11145	11040
Tiền	Tân Châu	53	129	-51	51	120	-50	52	135	-55	52	135	-55
Hậu	Châu Đốc	70	151	-49	68	140	-42	69	155	-45	69	155	-45